TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04/3/2024
Về việc tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

2. Ông Trần Thanh Hòa.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 541/2023/TLST–HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Hùng C**, sinh ngày 28/02/1994 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 05/12/2023.

- *Bị đơn:* Chị **Huỳnh Thị H**, sinh ngày 15/11/1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 03/11/2023, bản tự khai ngày 05/12/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Hùng C trình bày như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh C và chị H tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào năm 2022. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 6/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, nên anh chị đã ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay, mỗi người đã có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh C yêu cầu Tòa án cho ly hôn với chị H.

- *Về con chung:* Không có.

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tống đạt hợp lệ cho chị Huỳnh Thị H các văn bản tố tụng nhưng chị H vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án mặc dù chị vẫn còn sinh sống tại địa phương nên Tòa án không thu thập được lời khai của chị Huỳnh Thị H.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Phạm Hùng C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Huỳnh Thị H. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 14 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Huỳnh Thị H có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp Q, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do. Anh Phạm Hùng C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 05/12/2023. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:*

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh C và chị H cưới nhau vào năm 2022 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 16/11/2022 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H được công nhận hợp pháp.

Nay, anh C yêu cầu ly hôn chị H vắng mặt nên không có lời khai. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của anh C trong quá trình giải quyết vụ án, đều xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nên anh chị đã ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay, mỗi người đã có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Toà án đã tiến hành mời anh C và chị H để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị H vẫn vắng mặt không lý do, điều đó cho thấy chị H đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Vậy, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa anh C và chị H đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó cũng chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh C là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh Phạm Hùng C khai không có nên không xét đến.

[6] Về tài sản chung: Anh Phạm Hùng C khai không có nên không xét đến.

[7] Về nợ chung: Anh Phạm Hùng C khai không có nên không xét đến.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Phạm Hùng C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 3, các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Hùng C đối với chị Huỳnh Thị H. Cho ly hôn giữa anh Phạm Hùng C đối với chị Huỳnh Thị H.

Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Hùng C đối với chị Huỳnh Thị H theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 45 ngày 16/11/2022 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh Phạm Hùng C khai không có nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Hùng C khai không có nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Anh Phạm Hùng C khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Phạm Hùng C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000510 ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vậy, anh Phạm Hùng C đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Anh Phạm Hùng C, chị Huỳnh Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Lộc Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Long Hồ